

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2018/HNST

Ngày: 31-5-2018

V/v: *Tranh chấp xin ly hôn
giữa anh S và chị H.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Thanh Hải

2/ Ông Huỳnh Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thành S- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2018, về tranh chấp: Xin ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 105/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Lưu Thanh S, sinh năm 1986

Địa chỉ: số 36, tổ 60, Z, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL

Chi nhánh Cần Thơ: 38 -40 Đại Lộ H, phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2/ Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: : số 36, tổ 60, Z, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3/ Anh Lê Thanh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: KV 1, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4/ Chị Lưu Thị Anh Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: KV 1, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

5/ Anh Lưu Điền L, sinh năm 1975

Địa chỉ: KV 1, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

6/ Bà Đỗ Kim Q

Địa chỉ: KV 1, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

7/ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

8/ Anh Lê Minh B, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

(Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn từ chối tham gia Tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai và tại phiên toà anh Lưu Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: qua quá trình quen nhau giữa anh S và chị H nảy sinh tình cảm, sau thời gian tìm hiểu được gia đình 02 bên đồng ý nên cả hai quyết định tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột của anh S thuộc khu vực 11, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng năm 2015 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn chủ yếu là do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 6/2016 chị H bỏ nhà đi cho đến nay, hiện tại cả hai không còn quan tâm nhau và cũng không còn tình cảm gì với nhau nữa nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh và chị H được ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống giữa anh S và chị H có 02 đứa con chung: Lưu Kim Ph, sinh năm 2014; Lưu Thị Kim Ng, sinh năm 2015. Hiện cháu Lưu Thị Kim Ngọc anh đang nuôi dưỡng còn cháu Lưu Kim Phương khi chị H bỏ nhà đi đã mang theo cháu Ng cho đến nay. Khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi 02 đứa con không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Nợ anh Lê Thanh T số tiền 20.000.000 đồng anh đã trả 6.000.000 đồng còn lại 14.000.000 đồng yêu cầu chị H trả 10.000.000 đồng, anh S trả tiếp 4.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng KL số tiền 260.000.000 đồng; Nợ anh Lưu Điền L số tiền 170.000.000 đồng; Nợ chị Lưu Thị Anh Đ số tiền 110.000.000 đồng, 05 chỉ vàng 24K, 01 chỉ vàng 18K, 01 bông tay 5 phân vàng 18K; Nợ vợ chồng bà Đỗ Kim Q (bác ba Văn) 03 chỉ vàng 24k.

Yêu cầu chị H cùng liên đới trả số nợ chung trên.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Kim H tại bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: thống nhất với anh Lưu Thanh S trình bày về quan hệ hôn nhân. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau nên việc anh S yêu cầu được ly hôn chị H cũng đồng ý.

Về con chung: vợ chồng chung sống với nhau có 02 đứa con chung: Lưu Kim Ph, sinh năm 2014; Lưu Thị Kim Ng, sinh năm 2015. Hiện cháu Lưu Thị Kim Ngọc anh S đang nuôi dưỡng, còn cháu Lưu Kim Ph chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn đồng ý giao con chung Lưu Thị Kim Ng cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H yêu cầu được nuôi cháu Lưu Kim Ph không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Nợ anh Lê Thanh T số tiền 20.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng KL số tiền 260.000.000 đồng; Nợ anh Lưu Điền L số tiền 170.000.000 đồng trong đó có 90.000.000 đồng là nợ chung còn 80.000.000 đồng là do anh S hỏi mượn riêng chị không biết; Nợ chị Lưu Thị Anh Đ số tiền 55.000.000 đồng, ngoài ra không có nợ vàng như chị Đào trình bày; Nợ vợ chồng bà Đỗ Kim Q (bác ba Văn) 03 chỉ vàng 24k; Nợ bà Nguyễn Thị Ph (mẹ ruột chị H): 24 lượng vàng 24K và 325.000.000 đồng; Nợ anh Lê Minh B (anh ruột): 10.000.000 đồng.

Yêu cầu về nợ chung giải quyết như sau:

Đối với nợ Ngân hàng KL việc vay vốn là làm ăn bên gia đình anh S nên đề nghị anh S tự trả.

Đối với nợ của anh Lâm, chị Đ (anh em ruột của anh S) anh S tự trả.

Đối với nợ của bà Ph, anh B (mẹ ruột, anh ruột chị H) thì chị H tự trả.

Đối với nợ của anh T đồng ý chia đôi mỗi người trả một nửa, hiện anh S đã trả được 6.000.000 đồng anh S có nghĩa vụ trả tiếp 4.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng chị H sẽ trả cho anh T.

Đối với nợ bà Đỗ Kim Q (bác ba Văn) đồng ý chia đôi, hiện chị trả được 1 chỉ vàng 24K nên chị tiếp tục trả 5 phân vàng 24K cho bác ba Văn, anh S trả 1,5 chỉ vàng 24K cho bác Ba.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL: trước đây vợ chồng Lưu Thanh S và Lê Thị Kim H có vay vốn tại Ngân hàng Kiên Long số tiền là 260.000.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại thì phía chị H, anh S đã tất nợ tại Ngân hàng nên hiện tại anh S, chị H không còn nợ gì với Ngân hàng nên Ngân hàng không tham gia tố tụng trong vụ án.

2. Chị Lê Thị Thanh T trình bày: Vào tháng 10/2003 vợ chồng anh Lưu Thanh S và chị Lê Thị Kim H có hỏi vay của chị số tiền 10.000.000 đồng. Việc cho vay không có lập biên nhận, không có thỏa thuận lãi và thời gian trả nợ. Tuy

nhiên, chị không yêu cầu anh S và chị H phải trả nợ nên chị xin từ chối tham gia Tố tụng trong vụ án.

3. Anh Lê Thanh T trình bày: vào tháng 6/2016 anh có cho vợ chồng anh S, chị H vay số tiền 20.000.000 đồng để trả nợ người khác, việc vay nợ vợ chồng S có làm biên nhận nợ, không tính lãi. Quá trình vay anh S có trả được cho anh 6.000.000 đồng, nay vợ chồng S còn nợ anh 14.000.000 đồng yêu cầu vợ chồng S phải trả nợ số tiền này.

4. Chị Lưu Thị Anh Đ trình bày: từ năm 2013 đến năm 2014 chị Lê Thị Kim H có hỏi mượn tiền chị nhiều lần với tổng số tiền là 70.500.000 đồng và 5 chỉ vàng 24K, 01 đeo bông tay 0.5 chỉ vàng 18K. Việc cho vay do chỗ H là chị dâu trong nhà nên không có làm biên nhận, cũng không lấy lãi. Nay vợ chồng anh S ly hôn chị không yêu cầu vợ chồng anh S phải trả nợ cho chị nên chị có đơn xin từ chối tham gia Tố tụng trong vụ án.

5. Anh Lưu Điền L trình bày: vào tháng 02/2013 em H có hỏi mượn anh số tiền 170.000.000 đồng, việc vay mượn tiền không có lập biên nhận cũng không có hẹn thời gian trả cũng không tính lãi suất. Nay vợ chồng anh S và chị H ly hôn anh cũng không yêu cầu vợ chồng H phải trả nợ cho anh nên anh xin từ chối tham gia Tố tụng trong vụ án.

6. Bà Đỗ Kim Q trình bày: do chỗ Lưu Thanh S là cháu nên có hỏi mượn vợ chồng bà 3 cây vàng 24K, việc vợ chồng S ly hôn bà cũng không yêu cầu S và H phải trả nợ nên bà xin từ chối tham gia Tố tụng trong vụ án.

7. Bà Nguyễn Thị Ph trình bày: trước đây do cần vốn làm ăn nên con rể bà là anh Lưu Thanh S có kêu bà hỏi mượn dùm 10 cây vàng 24K, sau đó S không có tiền trả nợ nên bà cố 10 công đất lấy 10 cây vàng trả nợ cho người ta. Đến tháng 4/2016 S cùng mẹ ruột lên gặp bà để mượn tiền làm ăn, do không có tiền nên gia đình bà bán 3 công đất ruộng được 300.000.000 đồng đưa cho S làm ăn. Nay vợ chồng S ly hôn bà không có yêu cầu vợ chồng S phải trả nợ cho bà nên bà xin từ chối tham gia Tố tụng trong vụ án.

8. Anh Lê Minh B trình bày: vào tháng 6/2016 anh có mượn nợ dùm cho anh Lưu Thanh S số tiền là 10.000.000 đồng, đến nay anh S chưa trả. Tuy nhiên, anh cũng không yêu cầu S và H phải trả nợ nên anh xin từ chối tham gia Tố tụng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Lưu Thanh S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kim H và tranh chấp nuôi con chung. Xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Lê Thị Kim H là bị có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Lê Thị Kim H.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lưu Thanh S và chị Lê Thị Kim H có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự khai thống nhất: do xuất phát từ việc thất bại trong làm ăn dẫn đến kinh tế khó khăn từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến, không cùng chung quan điểm nên thường xuyên cãi nhau khiến cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện cả hai đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài và cả hai không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét về mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng nên không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lưu Thanh S và chị Lê Thị Kim H được ly hôn.

[4] Về nuôi con chung: anh Lưu Thanh S và chị Lê Thị Kim H đều có nguyện vọng được quyền nuôi 02 con chung. Xét thấy, hiện tại anh Lưu Thanh S đang nuôi dưỡng cháu Lưu Thị Kim Ng, chị Lê Thị Kim H đang nuôi dưỡng cháu Lưu Kim Ph. Hiện tại các cháu đang có cuộc sống ổn định bên anh S và chị H nên nhất thời không thể thay đổi cuộc sống của các cháu sẽ ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của các cháu, nên cần ổn định như hiện tại. Do vậy, giao anh Lưu Thanh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lưu Thị Kim Ng đến trưởng thành và giao cho chị Lê Thị Kim H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lưu Kim Ph đến trưởng thành.

[5] Về quyền chăm sóc, giáo dục con chung: các đương sự được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của con chung bị xâm hại, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con hay hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung hoặc buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: xét thấy, các khoản nợ mà vợ chồng anh S và chị H khai khi còn chung sống có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; bà Lê Thị Thanh T; anh Lê Thanh T; chị Lưu Thị Anh Đ; anh Lưu Điền L; bà Đỗ Kim Q; bà Nguyễn Thị Ph; anh Lê Minh B. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại toà các đương sự này đều không yêu cầu chị H và anh S phải trả nợ có đơn xin từ chối tham gia Tố tụng trong vụ án nên Tòa án không xem xét.

[8] Xét yêu cầu của anh Lê Thanh T đề nghị anh S và chị H phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền vay còn lại 14.000.000 đồng. Trước đây vợ chồng của anh S có vay anh số tiền 20.000.000 đồng nhưng anh S đã trả được 6.000.000 đồng, nay vợ chồng anh S ly hôn anh yêu cầu anh S trả tiếp cho anh 4.000.000 đồng và yêu cầu chị H phải trả cho anh 10.000.00 đồng. Xét thấy, khoản vay của anh T được anh S và chị H thừa nhận do vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Thanh T. Tuy nhiên, anh T không yêu cầu vợ chồng anh S cùng liên đới trả số tiền 14.000.000 đồng, mà anh T yêu cầu anh S trả cho anh 4.000.000 đồng (do

anh S đã trả nợ được 6.000.000 đồng), chị Lê Thị Kim H trả cho anh 10.000.000 đồng. Xét thấy, đây là quyền định đoạt của anh Tuấn nên Toà án chấp nhận.

[9] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Toà án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Lưu Thanh S phải chịu 300.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm anh S và chị H phải chịu theo quy định. Anh Lê Thanh T được nhận lại tạm ứng án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Thanh S về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung với chị Lê Thị Kim H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lưu Thanh S và chị Lê Thị Kim H.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lưu Thị Kim Ng, sinh năm 2015 cho anh Lưu Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giao con chung tên Lưu Kim Ph, sinh năm 2014 cho chị Lê Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự không ai được quyền cản trở. Trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của con chung bị xâm hại khi có yêu cầu của đương sự Toà án có thể xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung hoặc buộc người có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về nợ chung:

2.1 Buộc anh Lưu Thanh S phải trả cho anh Lê Thanh T số tiền 4.000.000 đồng.

2.2 Buộc chị Lê Thị Kim H trả cho anh Lê Thanh T số tiền 10.000.000 đồng.

3. Về tài sản chung: Toà án không xem xét.

4. Về án phí:

4.1 Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Lưu Thanh S phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số

000685 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Anh S đã thực hiện xong.

4.2 Về án phí dân sự:

- Anh Lưu Thanh S phải nộp số tiền 300.000 đồng.
- Chị Lê Thị Kim H phải nộp số tiền 500.000 đồng.

Tuyên án công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP Cần Thơ;
- VKSND H Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND phường Hưng Phú;
- Lưu hs 2 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đăng Khoa